

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 3 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ
2. Bà Trần Thị Kim Phụng

- **Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:** Bà Đặng Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 431/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Số A, Tổ C, đường Đ, Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số A, đại lộ B, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0378.735.445, có đơn vắng mặt

2. **Bị đơn:** Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: Số A, Tổ C, đường Đ, Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0918.467.604, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:**

Về hôn nhân: Bà H và ông Huỳnh Thanh L là vợ chồng. C sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 đăng ký ngày 27/01/2010.

Sau khi kết hôn, bà H về bên gia đình ông Lâm sinh S, sinh sống được 5 năm thì bà H và 02 con về nhà cha mẹ ruột bà H tại Số A, đại lộ B, khu phố D, phường

H, thành phố T, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay, còn ông L thì ở lại với mẹ ông Lâm sinh S. Nguyên nhân bà H và 02 con bỏ về nhà cha mẹ bà H sinh sống là do mẹ chồng khó khăn, còn ông L thì thường xuyên uống bia rượu, không lo làm ăn, uống rượu về thì ghen tuông vô cớ. Bà H và ông L sống ly thân nhau từ đó đến nay. Thời gian đầu sống ly thân, ông L có ghé nhà cha mẹ bà H để thăm con, có cho tiền cho con ăn bánh (500.000đ hoặc 1.000.000đ). Cách nay khoảng 2 - 3 năm thì ông L không còn ghé thăm các con nữa. Trong thời gian sống ly thân, nếu có cơ hội gặp ông L thì bà H luôn tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông L không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không thay đổi được sở thích ăn nhậu. Bà H đã suy nghĩ rất kỹ nên nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung và nuôi con: Thời gian chung sống, bà H và ông L có hai con chung là: Huỳnh Thị Yến N (nữ), sinh ngày 13/11/2010 và Huỳnh Thụy Bảo T1 (nữ), sinh ngày 13/05/2014. Hiện nay, 02 con chung đang sống cùng bà H tại địa chỉ: số A, đại lộ B, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về chứng cứ bà H yêu cầu ông L cấp dưỡng là do ông L có 02 căn kiot và 08 căn nhà trọ cho đang thuê. Giá cho thuê 02 căn kiot mỗi tháng là 1.500.000 đồng, giá cho thuê nhà trọ mỗi căn mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Ngoài ra, gia đình ông L có nhiều đất đai tài sản khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn ông Huỳnh Thanh L:** Quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa án trình bày sự việc, giao nộp chứng cứ, không tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Thanh L đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà H, ông L.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà H trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H, ông Lâm C sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Bà H nộp đơn yêu cầu ly hôn do ông L thì thường xuyên uống bia rượu, không lo làm ăn, và ghen tuông vô cớ. Ông L không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác lại ý kiến của bà H. Do đó, ý kiến trình bày của bà H thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình âm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà H, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà H và ông L là có thật, cả hai sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho ông L đến hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng ông L không đến. Chứng tỏ ông L cũng không còn tình cảm với bà H, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Theo lời trình bày và chứng cứ bà H giao nộp, Tòa xác định được: bà H và ông L có 02 con chung là Huỳnh Thị Yến N (nữ), sinh ngày 13/11/2010 và Huỳnh Thụy Bảo T1 (nữ), sinh ngày 13/05/2014. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, 02 con chung hiện nay đang sinh sống cùng bà H và có nguyện vọng được sống chung bà H nếu bà H và ông L ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, ông L không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét mức cấp dưỡng bà H yêu cầu, thấy rằng: Hiện nay, con chung Huỳnh Thị Yến N được 15 tuổi đang học lớp 9 tại Trường THCS H2, còn con chung Huỳnh Thụy Bảo T1 đang học lớp 5 tại Trường Tiểu học K, chi phí ăn uống, mua sắm quần áo, dụng cụ học tập, học phí một tháng rất nhiều, số tiền bà H yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/con là ít hơn so với chi phí hiện nay nuôi dạy trẻ có độ tuổi như trên nên Tòa chấp nhận, buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà H.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí ly hôn, ông L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Bà H được trừ số tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H đối với bị đơn ông Huỳnh Thanh L về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà H được ly hôn ông L (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 đăng ký ngày 27/01/2010 tại UBND phường H, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương).

- Về con chung và nuôi con: Bà H được trực tiếp nuôi 02 con chung Huỳnh Thị Yến N (nữ), sinh ngày 13/11/2010 và Huỳnh Thụy Bảo T1 (nữ), sinh ngày 13/05/2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 21/3/2025 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông L. Ông L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của bà H. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lâm C1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Bà H chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003391, ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố

Thủ Dầu Một.

- Ông L chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình